

**DANH SÁCH SINH VIÊN THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH (FL200H)**

**dành cho ngành Ngôn ngữ anh - chương trình chất lượng cao**

*(Danh sách được xếp theo MSSV)*

**Ngày thi: 21/12/2025**

*- Môn nói: 07g00 tại Lầu 2/C2; Môn Nghe-Đọc-Viết: 13g00 tại Lầu 3/C2*

| STT | MSSV     | Họ tên sinh viên      | Mã lớp   | Ngày sinh  | Phòng thi     |        | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------------|----------|------------|---------------|--------|---------|
|     |          |                       |          |            | Nghe-Đọc-Viết | Nói    |         |
| 1   | B1808685 | Trần Ngọc Kim Ngân    | FL18V1F2 | 16/01/2000 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 2   | B1808727 | Lê Phạm Tường Vy      | FL18V1F3 | 18/03/2000 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 3   | B1909426 | Ngô Xuân Thịnh        | FL19V1F3 | 08/02/2001 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 4   | B1909453 | Lê Phúc Hậu           | FL19V1F2 | 27/05/2001 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 5   | B1909456 | Quách Gia Huy         | FL19V1F2 | 21/03/2001 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 6   | B2005167 | Ngô Duy Hưng          | FL20V1F4 | 16/08/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 7   | B2005296 | Phạm Thị Mỹ Tiên      | FL20V1F5 | 14/02/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 8   | B2005392 | Kim Thị Thu Vân       | FL20V1F5 | 15/04/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 9   | B2014142 | Trần Mỹ Duyên         | FL20V1F1 | 25/08/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 10  | B2014144 | Trần Ngọc Thùy Dương  | FL20V1F3 | 28/11/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 11  | B2014160 | Vũ Thị Trúc Linh      | FL20V1F2 | 18/07/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 12  | B2014181 | Phạm Minh Thi         | FL20V1F4 | 17/10/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 13  | B2014201 | Triệu Thị Hồng Tươi   | FL20V1F5 | 30/11/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 14  | B2014230 | Trần Gia Huệ          | FL20V1F3 | 18/09/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 15  | B2014233 | Nguyễn Mai Hương      | FL20V1F1 | 07/11/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 16  | B2014279 | Nguyễn Khánh Tường    | FL20V1F3 | 28/11/2002 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 17  | B2107756 | Trương Khả Vy         | FL21V1F2 | 20/02/2003 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 18  | B2109671 | Trần Ngọc Thảo Tiên   | FL21V1F1 | 22/08/2003 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 19  | B2111528 | Lại Thị Hồng Phúc     | FL21V1F2 | 06/07/2003 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 20  | B2111533 | Phạm Hồng Thẩm        | FL21V1F3 | 15/10/2003 | Phòng 1/C2    | 201/C2 |         |
| 21  | B2111537 | Trần Minh Thư         | FL21V1F2 | 29/12/2003 | Phòng 1/C2    | 202/C2 |         |
| 22  | B2111543 | Hà Thảo Vy            | FL21V1F2 | 02/03/2003 | Phòng 1/C2    | 202/C2 |         |
| 23  | B2111544 | Nguyễn Khánh Vy       | FL21V1F3 | 10/01/2003 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 24  | B2111559 | Huỳnh Gia Hân         | FL21V1F4 | 30/06/2003 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 25  | B2111571 | Nguyễn Thị Diễm Ngân  | FL21V1F2 | 02/09/2003 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 26  | B2111578 | Nguyễn Thị Xuân Nhi   | FL21V1F3 | 05/09/2003 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 27  | B2111584 | Trương Thái Thanh Tâm | FL21V1F1 | 16/10/2003 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 28  | B2111586 | Thị Thanh Thảo        | FL21V1F3 | 21/02/2003 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 29  | B2113382 | Huỳnh Thị Bảo Thy     | FL21V1F1 | 27/01/2003 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 30  | B2202222 | Trịnh Thị Phương An   | FL22V1F1 | 10/10/2004 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 31  | B2205516 | Trần Anh Thơ          | FL22V1F1 | 30/08/2004 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 32  | B2205525 | Nguyễn Thị Ngọc Trinh | FL22V1F1 | 30/04/2004 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 33  | B2205534 | Phạm Thị Ngọc Hân     | FL22V1F1 | 22/02/2004 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 34  | B2205536 | Nguyễn Hữu Khang      | FL22V1F1 | 08/09/2004 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 35  | B2205540 | Nguyễn Thanh Ngân     | FL22V1F1 | 08/07/2004 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 36  | B2205542 | Lê Nguyễn Bảo Ngọc    | FL22V1F1 | 11/09/2004 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 37  | B2205543 | Trương Minh Ngọc      | FL22V1F1 | 17/01/2004 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 38  | B2205544 | Trần Hữu Nhân         | FL22V1F1 | 04/02/2004 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |
| 39  | B2205553 | Nguyễn Lê Minh Tâm    | FL22V1F1 | 26/01/2004 | Phòng 5/C2    | 202/C2 |         |

| STT | MSSV     | Họ tên sinh viên      | Mã lớp   | Ngày sinh  | Phòng thi     |        | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------------|----------|------------|---------------|--------|---------|
|     |          |                       |          |            | Nghe-Đọc-Viết | Nói    |         |
| 40  | B2205555 | Dương Phước Thiện     | FL22V1F1 | 20/08/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 41  | B2205556 | Lê Hà Anh Thy         | FL22V1F1 | 18/03/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 42  | B2205558 | Lê Kiều Bích Trâm     | FL22V1F1 | 13/12/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 43  | B2205559 | Nguyễn Thị Ngọc Trinh | FL22V1F1 | 10/06/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 44  | B2205561 | Trịnh Lê Thảo Vy      | FL22V1F1 | 17/01/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 45  | B2205562 | Nguyễn Thị Nguyên Ý   | FL22V1F1 | 06/01/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 46  | B2205576 | Nguyễn Thị Kim Ngọc   | FL22V1F2 | 14/12/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 47  | B2205583 | Đào Lê Minh Phương    | FL22V1F2 | 20/02/2003 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 48  | B2205586 | Phan Nguyễn Yến Quyên | FL22V1F2 | 27/04/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 49  | B2205590 | Trần Ngọc Tiên        | FL22V1F2 | 23/09/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 50  | B2205599 | Trần Ngọc Bích        | FL22V1F3 | 20/04/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 51  | B2205600 | Nguyễn Thị Thúy Duy   | FL22V1F3 | 03/12/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 52  | B2205601 | Phạm Thị Khánh Đoan   | FL22V1F3 | 21/07/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 53  | B2205602 | Nguyễn Thảo Hiền      | FL22V1F3 | 20/03/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 54  | B2205606 | Phan Thị Kiều My      | FL22V1F3 | 13/04/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 55  | B2205615 | Huỳnh Kiến Ninh       | FL22V1F3 | 04/02/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 56  | B2205626 | Võ Ngọc Bảo Trân      | FL22V1F3 | 24/07/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 57  | B2306229 | Nguyễn Khánh Quỳnh    | FL23V1F1 | 16/03/2004 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |
| 58  | B2306295 | Lê Ngọc Vy            | FL23V1F3 | 20/03/2005 | Phòng 5/C2    | 203/C2 |         |

**Danh sách có 58 sinh viên.**

**HỘI ĐỒNG THI ĐGNLTA**